



PHỤ LỤC

ATTACHMENT

(Kèm theo Quyết định số:2231/QĐ - VPCNCL ngày 26 tháng 12 năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa xét nghiệm - Bệnh viện đa khoa Quốc Tế Vinmec Nha Trang**
Medical Testing Laboratory Laboratory Department - Vinmec Nha Trang International Hospital

Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Nha Trang**
Organization: Vinmec Nha Trang International Hospital

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học, Hóa sinh**
Field of medical testing: Hematology, Biochemistry

Người phụ trách/ Representative: **Lê Thị Na**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Lê Thị Na	Các xét nghiệm được công nhận <i>Accredited medical tests</i>
2.	Nguyễn Thị Lệ Quyên	
3.	Trần Thị Tâm Tuyền	
4.	Phạm Văn Nguyên	
5.	Lâm Thị Mỹ Nga	

Số hiệu/ Code: **Med 188**

Hiệu lực công nhận có giá trị từ/ Period of Accreditation is valid from: 26/12/2023 đến/to: 25/12/2026

Địa chỉ/ Address: **42A Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa**

Địa điểm/ Location: **42A Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa**

Điện thoại/ Tel: **0258 3900168**

Fax:

E-mail: **info.NT@vinmec.com**

Website: **www.vinmec.com**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 188

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**
Discipline of medical testing: **Biochemistry**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết tương (heparin), Huyết thanh Plasma (Heparin), Serum	Xác Xác định lượng Aspartate aminotransferase (AST) <i>Determination of Aspartate aminotransferase (AST)</i>	Động học enzyme <i>Enzymatic Kinetic</i>	QX.HS.05 (2023) (Cobas C501)
2.				QX.HS.11 (2023) (Cobas C502)
3.		Xác Xác định lượng Aminotransferase Alanin (ALT) <i>Determination of Aminotransferase Alanin (ALT)</i>	Động học enzyme <i>Enzymatic Kinetic</i>	QX.HS.06 (2023) (Cobas C501)
4.				QX.HS.12 (2023) (Cobas C502)
5.	Huyết tương (heparin, NaF), Huyết thanh Plasma (Heparin, NaF), Serum	Xác Xác định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Enzym hexokinase <i>Enzymatic hexokinase</i>	QX.HS.01 (2023) (Cobas C501)
6.				QX.HS.07 (2023) (Cobas C502)
7.	Huyết tương (heparin), Huyết thanh Plasma (Heparin), serum	Xác định lượng cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic, colorimetric</i>	QX.HS.03 (2023) (Cobas C501)
8.				QX.HS.09 (2023) (Cobas C502)
9.		Xác định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic, colorimetric</i>	QX.HS.02 (2023) (Cobas C501)
10.				QX.HS.08 (2023) (Cobas C502)
11.		Xác định lượng Urea <i>Determination of Urea</i>	Động học enzyme <i>Enzyme Kinetic</i>	QX.HS.04 (2023) (Cobas C501)
12.				QX.HS.10 (2023) (Cobas C502)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 188

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
 Discipline of medical testing: **Hematology**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Máu toàn phần (K2 EDTA) <i>Blood K2 EDTA</i>	Xác định lượng Hồng cầu <i>Determination of Red Blood Cell</i>	Điện trở kháng <i>Electrical resistance</i>	QX.HH.03 (2023) (DxH 600)
2.				QX.HH.07 (2023) (DxH 690T)
3.		Xác định lượng Bạch cầu <i>Determination of White Blood Cell</i>	Điện trở kháng <i>Electrical resistance</i>	QX.HH.04 (2023) (DxH 600)
4.				QX.HH.08 (2023) (DxH 690T)
5.		Xác định lượng Tiểu cầu <i>Determination of Platelets</i>	Điện trở kháng <i>Electrical resistance</i>	QX.HH.02 (2023) (DxH 600)
6.				QX.HH.06 (2023) (DxH 690T)
7.		Xác định lượng Hemoglobin <i>Determination of Haemoglobin</i>	Đo quang <i>Measured photometrically</i>	QX.HH.01 (2023) (DxH 600)
8.				QX.HH.05 (2023) (DxH 690T)

Ghi chú/ Note: QX....: Phương pháp do PXN tự xây dựng / *Laboratory developed method*